

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Hình học - Tô pô

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Sum

2. Ngày tháng năm sinh: 24/03/1961; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Cát Tài, Phù Cát, Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 02/47 An

Dương Vương, Phường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 25 đường số 14, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0914087955;

E-mail: nguyensum@sgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,1983 đến tháng, năm 03,1994: Giảng viên tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

Từ tháng, năm 04,1994 đến tháng, năm 07,1995: Giảng viên, Trưởng bộ môn tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

Từ tháng, năm 08,1995 đến tháng, năm 09,1999: Giảng viên, Phó trưởng khoa tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

Từ tháng, năm 10,1999 đến tháng, năm 06,2002: Giảng viên, Trưởng khoa tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

Từ tháng, năm 07,2002 đến tháng, năm 03,2004: Trưởng phòng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm

Quy Nhơn

Từ tháng, năm 04,2004 đến tháng, năm 10,2009: Phó hiệu trưởng (Phụ trách Trường từ 01/2009 đến 05/2009)
tại Trường Đại học Quy Nhơn

Từ tháng, năm 11,2009 đến tháng, năm 07,2018: Phó Giáo sư tại Khoa Toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Từ tháng, năm 08,2018 đến tháng, năm 10,2021: Giảng viên cao cấp tại Khoa Toán - Ứng dụng, Trường Đại học Sài Gòn

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cao cấp; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học Quy Nhơn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán - Ứng dụng, Trường Đại học Sài Gòn

Địa chỉ cơ quan: 273 An Dương Vương, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02839381914

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Quy Nhơn

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 01 tháng 01 năm 1987, số văn bằng: 00463, ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 26 tháng 03 năm 1994, số văn bằng: 1902, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học - Tô pô; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 19 tháng 10 năm 2005, ngành: Toán học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sài Gòn

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1- Lý thuyết bất biến modular và ứng dụng trong lý thuyết đồng luân.

2- Bài toán hit đối với đại số đa thức và ứng dụng để nghiên cứu đồng cấu chuyển đại số và biểu diễn modular của nhóm tuyến tính.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen lao động sáng tạo	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	1997
2	Giải thưởng Tạ Quang Bửu về nghiên cứu cơ bản trong Khoa học Tự nhiên và Kỹ thuật	Bộ Khoa học và Công nghệ	2017
3	Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học	Thủ tướng Chính phủ	2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
1	Khiển trách vì liên đới trách nhiệm với Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn theo kết luận thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo (về việc tuyển sinh vượt hơn 10% chỉ tiêu trong kỳ thi tuyển sinh đại học năm 2005)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	878/QĐ-BGDĐT	16/02/2009 - 16/02/2010

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 36 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng

viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	2		2		120	90	312/554/270
2	2016-2017	2	1	3		120	90	312/594/270
3	2017-2018	1	1	4		150	60	285/518/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019					315		315/354/270
5	2019-2020					360		360/414/270
6	2020-2021					300	30	360/459/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Sử dụng Tiếng Anh để viết tất cả các bài báo đã được công bố và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị quốc tế.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh C1

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Khắc Tín	X		X		01/2014 đến 07/2017	Trường Đại học Quy Nhơn	01/12/2017
2	Đặng Võ Phúc	X		X		01/2015 đến 01/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	09/10/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Toán cao cấp - Tập 1 - Đại số tuyến tính	GT	Nhà xuất bản Giáo dục, năm 1998	5	VC	(1-145)	Giấy xác nhận ký ngày 12/06/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn, Quyết định của NXB Giáo dục khen thưởng các tác giả chính của bộ sách "Toán cao cấp A".
2	Bài tập Toán cao cấp - Tập 1 - Đại số tuyến tính	GT	Nhà xuất bản Giáo dục, năm 1999	3	VC	(154-219)	Giấy xác nhận ký ngày 12/06/2018 của hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn.
Sau khi được công nhận PGS/TS							
3	Đại số đại cương	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, năm 2021	3	CB	(7-112, 187-213)	Giấy xác nhận ký ngày 12/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sài Gòn

3	Bài toán hit đối với đại số Steenrod và ứng dụng trong lý thuyết đồng luân	CN	B2013-28- 129, cấp Bộ	01/01/2013 đến 31/12/2014	(14/08/2015)/Xuất sắc	
---	--	----	--------------------------	------------------------------	--------------------------	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	On the action of the Steenrod-Milnor operations on the modular invariants of linear groups	1	Có	Japanese Journal of Mathematics - New series/ ISSN: 0289-2316 (print), 1861-3624 (online)	Q1 - SCIE IF: 1.462	1	18, 1, 115-137	06/1992
2	On the action of the mod-2 Steenrod algebra on the modular invariants of linear groups	1	Có	Hanoi University Journal of Science/ ISSN: 0866 - 8612			Special issue, 41-46	09/1993

3	On the action of the Steenrod algebra on the modular invariants of special linear group	1	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184		1	18, 2, 203-213	12/1993
4	Steenrod operations on the modular invariants	1	Có	Kodai Mathematical Journal/ ISSN: 0386-5991 (print), 1881-5472 (online)	Q4 - SCIE IF: 0.615	5	17, 3, 585-595	09/1994
5	On Singer's invariant-theoretic description of the Lambda algebra: A modp analogue	2	Không	Journal of Pure and Applied Algebra/ ISSN: 0022-4049	Q1 - SCI IF: 0.831	8	99, 3, 297-329	03/1995
6	On an invariant-theoretic description of the lambda algebra	1	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X		1	33, 1, 19-32	06/2005
Sau khi được công nhận PGS/TS								

7	The action of the primitive Steenrod-Milnor operations on the modular invariants	1	Có	Geometry and Topology Monographs, Mathematical Science Publishser, Coventry/ ISSN: 1464-8989 (print), 1464-8997 (online)		2	11 349-367	11/2007
8	The negative answer to Kameko's conjecture on the hit problem - Un contre-exemple à la conjecture de Kameko	1	Có	Comptes Rendus Mathématique/ ISSN: 1631-073X (print), 1778-3569 (online)	Q1 - SCI IF: 0.719	1	348, 11-12, 669-672	06/2010
9	The negative answer to Kameko's conjecture on the hit problem	1	Có	Advances in Mathematics/ ISSN: 0001-8708	Q1 - SCI IF: 1.688	17	225, 5, 2365-2390	12/2010
10	On the hit problem for the polynomial algebra - Sur le hit problem pour l'algèbre polynomiale	1	Có	Comptes Rendus Mathématique/ ISSN: 1631-073X (print), 1778-3569 (online)	Q1 - SCI IF: 0.719	6	351, 13-14, 565-568	07/2013

11	On the Peterson hit problem of five variables and its applications to the fifth Singer transfer	1	Có	East-West Journal of Mathematics/ ISSN: 1513-489X (print), 0125-2526 (online)		7	16, 1, 47-62	06/2014
12	On the Peterson hit problem	1	Có	Advances in Mathematics/ ISSN: 0001-8708	Q1 - SCI IF: 1.688	22	274 432-489	04/2015
13	On the generators of the polynomial algebra as a module over the Steenrod algebra - Sur les générateurs de l'algèbre polynomiale comme module sur l'algèbre de Steenrod	2	Có	Comptes Rendus Mathématique/ ISSN: 1631-073X (print), 1778-3569 (online)	Q1 - SCI IF: 0.719	2	353, 11, 1035-1040	11/2015
14	Kameko's homomorphism and the algebraic transfer - Le morphisme de Kameko et le transfert algébrique	2	Có	Comptes Rendus Mathématique/ ISSN: 1631-073X (print), 1778-3569 (online)	Q1 - SCI IF: 0.719	3	354, 9, 940-943	09/2016

15	On a minimal set of generators for the polynomial algebra of five variables as a module over the Steenrod algebra	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184 (print), 2315-4144 (online)	Q3 - ESCI IF: 0.615	4	42, 1, 149-162	03/2017
16	On the determination of the Singer transfer	1	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering/ ISSN: 2525-2461		2	60, 1, 3-16	03/2018
17	The hit problem and the algebraic transfer in some degrees	1	Có	East-West Journal of Mathematics/ ISSN: 1513-489X (print), 0125-2526 (online)		2	20, 2, 158-179	12/2018
18	On a construction for the generators of the polynomial algebra as a module over the Steenrod algebra	1	Có	Algebraic Topology and Related Topics, Trends in Mathematics, Birkhäuser-Springer/ ISBN: 978-981-13-5741-1 (print), 978-981-13-5742-8 (online)		3	265-286	02/2019
19	The squaring operation and the Singer algebraic transfer	1	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X (print), 2305-2228 (online)	Q2 - ESCI IF: 0.804	5	49, 4, 1079-1096	12/2021

20	The hit problem for the polynomial algebra in some weight vectors	2	Có	Topology and its Applications/ ISSN: 0166-8641	Q3 - SCIE IF: 0.617	290, 107579, 17 pp.	03/2021
----	---	---	----	---	-------------------------------	---------------------------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 9 ([8] [9] [10] [12] [13] [14] [15] [19] [20])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả

chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Đại số và lý thuyết số mã số 1.01.03 (mã số hiện nay: 8.46.01.04)	Chủ trì	Xác nhận của trường Đại học Quy Nhơn (trong Bản xác nhận thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số: 4109/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 06/10/2000	Thực hiện theo sự phân công của Trường, không có văn bản giao nhiệm vụ.
2	Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Đại số và lý thuyết số mã số: 62.46.01.04	Chủ trì	Xác nhận của trường Đại học Quy Nhơn (trong Bản xác nhận thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số: 1524/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 26/04/2013	Thực hiện theo sự phân công của Trường, không có văn bản giao nhiệm vụ

3	Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Toán Giải tích mã số: 62.46.01.01	Tham gia	Xác nhận của trường Đại học Sài Gòn (trong Bản xác nhận thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số: 4798/QĐ-BDGDĐT ngày 07/11/2018	Thực hiện theo sự phân công của Trường, không có văn bản giao nhiệm vụ.
---	---	----------	---	------------------------	---	---

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03

CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)